



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 – 4 |
| 3. Báo cáo soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 | 6 – 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 11 – 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 13 – 35 |
| 8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 36 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 260.000.000.000 VND

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|------------------------|------------------|
| Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa | 206.000.000.000 | 79,23 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | 40.600.000.000 | 15,62 |
| Các cổ đông khác | 13.400.000.000 | 5,15 |
| Cộng | 260.000.000.000 | 100,00 |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại : (058) 3 822 142 – 3 815 372

Fax : (058) 3 819 144 – 3 810 740

Email : support@ctnkh.com.vn

Website : www.ctnkh.com.vn

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 8 0 0 7

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: sản xuất nước đá sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp – thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chi tiết sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;
- Đại lý du lịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Quản lý và vận hành hệ thống thoát nước và các dịch vụ vệ sinh, môi trường.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa, Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012 và thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2014 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|----------------------|
| Ông Trần Văn Huy | Chủ tịch | 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Vũ Đức Bình | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Phạm Cao Minh Dũng | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Đàm | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Lục Chánh Trường | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|----------------------|
| Bà Hoàng Thị Hương Giang | Trưởng ban | 01 tháng 05 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Đình Hà | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Vũ Văn Bình | Thành viên | 28 tháng 10 năm 2013 |

Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|----------------------|
| Ông Trần Văn Huy | Tổng Giám đốc | 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Vũ Đức Bình | Phó Tổng Giám đốc | 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Phạm Cao Minh Dũng | Phó Tổng Giám đốc | 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Đàm | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 03 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Quân | Kế toán trưởng | 06 tháng 11 năm 2013 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 11 năm 2015

C.T.1
4
JAN
2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 126/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

**Kính gửi: QUÍ CÓ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 16 tháng 11 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang**



Phan Thị Ngọc Trâm - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

Nguyễn Thị Hải Ly - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2100-2013-008-1

Nha Trang, ngày 23 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|---|------------|-------------|------------------------|---------|
| | | | cuối kỳ | đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 141.947.978.805 | - |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 19.633.036.081 | - |
| 1. Tiền | 111 | | 19.633.036.081 | - |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 62.000.000.000 | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 62.000.000.000 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25.373.127.933 | - |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 20.548.593.894 | - |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 4.799.428.000 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 25.106.039 | - |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 32.187.844.083 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 32.187.844.083 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.753.970.708 | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 156.777.807 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.8 | 1.945.830.391 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 651.362.510 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 299.028.991.136 | - |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 263.943.108.950 | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 221.293.761.806 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 469.085.589.183 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (247.791.827.377) | - |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 20.709.741.209 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 22.698.885.000 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.989.143.791) | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.12 | 21.939.605.935 | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 300.000.000 | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.13 | 300.000.000 | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 34.785.882.186 | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14 | 34.785.882.186 | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 440.976.969.941 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 159.000.975.809 | - |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 49.927.350.077 | - |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 5.413.080.000 | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.16 | 832.737.030 | - |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.17 | 3.424.588.000 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.18 | 23.613.628.050 | - |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.19 | 6.899.978.772 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.20 | 182.372.000 | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.21 | 331.792.556 | - |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.22 | 9.229.173.669 | - |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 109.073.625.732 | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.23 | 11.356.963.354 | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.24 | 97.716.662.378 | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 281.975.994.132 | - |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 281.335.644.132 | - |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.25 | 260.000.000.000 | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.25 | 852.875.935 | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.25 | 4.891.090.568 | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.25 | 15.591.677.629 | - |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 640.350.000 | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | 640.350.000 | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 440.976.969.941 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | Thuyết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------|------------|------------|
| | minh | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 81.981.299.859 | - |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 03 | | 9.312.686 | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 81.971.987.173 | - |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 68.589.167.566 | - |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 13.382.819.607 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.673.865.887 | - |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.536.342.273 | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.536.342.273 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 2.629.645.744 | - |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.890.697.477 | - |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 1.976.944.606 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.601.168.830 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 375.775.776 | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 10.266.473.253 | - |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1.149.705.267 | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>9.116.767.986</u> | <u>-</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>351</u> | <u>-</u> |

Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 10.266.473.253 | - |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.10, V.11 | 22.391.723.688 | - |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.673.865.887) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 2.536.342.273 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 33.520.673.327 | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 3.488.079.358 | - |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (3.210.776.288) | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (58.071.956.534) | - |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 7.185.672.027 | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (3.424.742.273) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.18 | (700.000.000) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.22 | (5.508.734.248) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (26.721.784.631) | - |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (15.082.648.715) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.13 | (300.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (23.708.782.828) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (2.706.540.000) | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2.706.540.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (53.137.107.459) | - |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | | | - | - |
| Tiền bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa | 60 | V.1 | 72.770.143.540 | - |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 19.633.036.081 | - |

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước.

4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 310 nhân viên đang làm việc.

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa, Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012 và thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2014 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CH
INC
TC
IN
SA

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (25 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 - 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống..... chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thuê bao đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

S-C
HÀM
Y TI
và T
TRA
T.V

| | Số năm |
|-------------------------------|--------|
| Công cụ dụng cụ, chi phí khác | 02 |
| Các tuyến ống | 2 - 3 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản | 2 - 3 |
| Đồng hồ thuê bao | 2 - 3 |
| Hệ thống nước | 2 - 3 |

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

| Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--|---------------------------------------|----------------------|
| • Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | | |
| Hội Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần | Tối đa 5% | |
| • Quỹ dự phòng tài chính | | |
| Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | Tối đa 5% | 10% vốn điều lệ |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------------|---|------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | Tối đa 10% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | Tối đa 15% |

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 13.218.253 | - |
| Tiền gửi ngân hàng | 19.619.817.828 | - |
| Cộng | <u>19.633.036.081</u> | <u>-</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-------------------|
| Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa | 33.000.000.000 | - |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa | 17.000.000.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | 9.000.000.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải | 3.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>62.000.000.000</u> | <u>-</u> |

Biến động đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV | 52.000.000.000 |
| Phát sinh trong năm | 10.000.000.000 |
| Số cuối năm | <u>62.000.000.000</u> |

3. Phải thu của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| Phải thu tiền nước của khách hàng | 20.324.606.894 | - |
| Phải thu hoạt động xây lắp | 223.987.000 | - |
| Cộng | <u>20.548.593.894</u> | <u>-</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-------------------|
| Trả trước cho hoạt động xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định | 2.112.300.000 | - |
| Trả trước cho hoạt động kinh doanh | 2.687.128.000 | - |
| Cộng | <u>4.799.428.000</u> | <u>-</u> |

5. Các khoản phải thu khác

Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|-------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 30.257.576.821 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 7.583.784 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.922.683.478 | - |
| Cộng | <u>32.187.844.083</u> | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|---------------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 103.357.963 | - |
| Chi phí khác | 53.419.844 | - |
| Cộng | <u>156.777.807</u> | - |

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 1.944.545.884 | - |
| Thuế GTGT nộp thừa | 1.284.507 | - |
| Cộng | <u>1.945.830.391</u> | - |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-------------------|
| Tạm ứng | 631.362.510 | - |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 20.000.000 | - |
| Cộng | <u>651.362.510</u> | - |

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - | - |
| Số bàn giao | 40.714.494.677 | 100.939.478.728 | 321.308.443.217 | 893.886.289 | 463.856.302.911 |
| Tăng trong kỳ | - | 1.026.313.636 | 4.202.972.636 | - | 5.229.286.272 |
| <i>Mua sắm mới</i> | - | 585.080.000 | 412.267.636 | - | 997.347.636 |
| <i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i> | - | 441.233.636 | 3.790.705.000 | - | 4.231.938.636 |
| Số cuối kỳ | <u>40.714.494.677</u> | <u>101.965.792.364</u> | <u>325.511.415.853</u> | <u>893.886.289</u> | <u>469.085.589.183</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 1.306.113.346 | 18.165.506.477 | 6.664.275.360 | 120.826.380 | 26.256.721.563 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - | - |
| Số bàn giao | 20.612.715.886 | 68.826.892.466 | 136.119.398.584 | 547.917.259 | 226.106.924.195 |
| Tăng trong kỳ | 1.881.135.414 | 6.735.377.095 | 12.946.717.351 | 121.673.322 | 21.684.903.182 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | <i>1.881.135.414</i> | <i>6.735.377.095</i> | <i>12.946.717.351</i> | <i>121.673.322</i> | <i>21.684.903.182</i> |
| Số cuối kỳ | <u>22.493.851.300</u> | <u>75.562.269.561</u> | <u>149.066.115.935</u> | <u>669.590.581</u> | <u>247.791.827.377</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>18.220.643.377</u> | <u>26.403.522.803</u> | <u>176.445.299.918</u> | <u>224.295.708</u> | <u>221.293.761.806</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 66.047.866.387 VND và giá trị còn lại theo sổ sách là 24.684.910.563 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.24).

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy vi tính</u> | <u>Tài sản cố định vô hình khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - |
| Số nhận bàn giao | 19.498.185.000 | 2.579.904.000 | 620.796.000 | 22.698.885.000 |
| Số cuối kỳ | <u>19.498.185.000</u> | <u>2.579.904.000</u> | <u>620.796.000</u> | <u>22.698.885.000</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 820.203.000 | - | 820.203.000 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - |
| Số nhận bàn giao | - | 1.082.289.601 | 200.033.684 | 1.282.323.285 |
| Khấu hao trong kỳ | 389.963.700 | 296.163.604 | 20.693.202 | 706.820.506 |
| Số cuối kỳ | <u>389.963.700</u> | <u>1.378.453.205</u> | <u>220.726.886</u> | <u>1.989.143.791</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>19.108.221.300</u> | <u>1.201.450.795</u> | <u>400.069.114</u> | <u>20.709.741.209</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)1981
H N H
G T Y
J A N H
H A T
1981**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Số bàn giao | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|---|------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|
| XDCB dở dang | - | 10.217.921.875 | 21.680.270.329 | (4.231.938.636) | (5.726.647.633) | 21.939.605.935 |
| - Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh | - | 1.582.196.718 | 66.004.025 | - | - | 1.648.200.743 |
| - Công trình dự án cấp nước xã Vĩnh Lương | - | 7.867.874.627 | 8.577.667.562 | (441.233.636) | (368.040.280) | 15.636.268.273 |
| - Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang | - | 409.027.272 | - | - | - | 409.027.272 |
| - Các công trình tuyến ống cấp nước và ống nhánh Công ty đầu tư | - | 358.823.258 | 13.036.598.742 | (3.790.705.000) | (5.358.607.353) | 4.246.109.647 |
| Cộng | - | 10.217.921.875 | 21.680.270.329 | (4.231.938.636) | (5.726.647.633) | 21.939.605.935 |

13. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 300.000.000VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 300.000.000VND, tương đương 0,375% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 23.700.000.000VND.

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Số bàn giao | Tăng trong kỳ | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------------|------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Lợi thế kinh doanh | - | 4.082.810.919 | - | (680.468.484) | 3.402.342.435 |
| Đồng hồ thuê bao | - | 1.317.871.415 | - | (1.317.871.415) | - |
| Đồng hồ thay mới | - | 21.343.429.663 | 2.937.037.359 | (7.452.372.597) | 16.828.094.425 |
| Hệ thống nước | - | 10.033.066.366 | 5.141.372.000 | (4.560.314.336) | 10.614.124.030 |
| Các tuyến ống | - | 428.275.780 | 204.581.000 | (285.811.358) | 347.045.422 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | - | 1.764.004.982 | 1.273.725.455 | (907.989.138) | 2.129.741.299 |
| Công cụ , dụng cụ | - | 2.818.147.761 | 16.472.727 | (1.440.438.856) | 1.394.181.632 |
| Chi phí khác | - | 106.379.163 | - | (36.026.220) | 70.352.943 |
| Cộng | - | 41.893.986.049 | 9.573.188.541 | (16.681.292.404) | 34.785.882.186 |

15. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.24). Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | 4.513.080.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa | 900.000.000 | - |
| Cộng | 5.413.080.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết phát sinh khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:**

| | <u>Kỳ này</u> |
|--------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | - |
| Số bàn giao | 8.119.620.000 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(2.706.540.000)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>5.413.080.000</u> |

16. Phải trả cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-------------------|
| Phải trả cho hoạt động xây dựng và mua sắm tài sản cố định | 433.149.030 | - |
| Phải trả cho hoạt động kinh doanh | <u>399.588.000</u> | - |
| Cộng | <u>832.737.030</u> | <u>-</u> |

17. Người mua trả tiền trước

Số cuối kỳ là khoản người mua trả tiền trước cho hoạt động xây lắp.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số bàn giao</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 12.738.785 | 10.801.427 | (24.824.719) | (1.284.507) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (2.394.251.151) | 1.149.705.267 | (700.000.000) | (1.944.545.884) |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 509.781.826 | 148.015.578 | (657.797.404) | - |
| Thuế tài nguyên | - | 113.058.400 | 717.626.400 | (704.560.400) | 126.124.400 |
| Thuế nhà đất | - | - | 10.815.400 | (10.815.400) | - |
| Tiền thuê đất | - | 19.498.185.000 | - | - | 19.498.185.000 |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 3.197.784.300 | 22.376.213.800 | (21.584.679.450) | 3.989.318.650 |
| <i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i> | - | <i>3.197.784.300</i> | <i>22.376.213.800</i> | <i>(21.584.679.450)</i> | <i>3.989.318.650</i> |
| <i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i> | - | - | - | - | - |
| Cộng | <u>-</u> | <u>20.937.297.160</u> | <u>24.416.177.872</u> | <u>(23.685.677.373)</u> | <u>21.667.797.659</u> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hoạt động cung cấp nước sạch là 5%, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất nước theo công văn 143/CT-TTHT ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào khoản 3(a), điều 19 thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 và Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất tại số 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với diện tích 1.185,3m², Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m³ và thuế suất 1%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương năm 2014 của Công ty được xác định căn cứ vào đơn giá tiền lương theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể:

- Đối với bộ phận sản xuất nước sạch và khảo sát thiết kế đơn giá tiền lương là 183,2 đồng/1.000 đồng doanh thu (gồm doanh thu nước sạch và khảo sát thiết kế).
- Đối với bộ phận xây lắp, đơn giá tiền lương được tính theo đơn giá xây dựng cơ bản. Quỹ lương xây lắp căn cứ theo quyết toán công trình được duyệt.

Để được hưởng đơn giá tiền lương và quỹ lương trên, các đơn vị phải hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu đã đăng ký tại giao ước thi đua năm 2014.

20. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-------------------|
| Chi phí công trình | 159.967.414 | - |
| Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt | 17.304.210 | - |
| Chi phí khác | 5.100.376 | - |
| Cộng | <u>182.372.000</u> | <u>-</u> |

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|---------------------------|-------------------|
| Bảo hiểm xã hội | 9.361.815 | - |
| Kinh phí công đoàn | 322.430.741 | - |
| Cộng | <u>331.792.556</u> | <u>-</u> |

31-C
HH
SV
ÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số bàn giao</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | - | 8.071.313.124 | (4.165.837.000) | 3.905.476.124 |
| Quỹ phúc lợi | - | 5.861.270.793 | (537.573.248) | 5.323.697.545 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 355.324.000 | (355.324.000) | - |
| Cộng | - | 14.287.907.917 | (5.058.734.248) | 9.229.173.669 |

23. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-------------------|
| Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (*) | 10.791.600.000 | - |
| Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên | 165.363.354 | - |
| Khoản tiền nhận cho công trình Khu kinh tế mới Chín khúc- An Ninh- Diên An- Diên Khánh | 400.000.000 | - |
| Cộng | 11.356.963.354 | - |

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 06 tháng một lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

24. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-------------------|
| Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (a) | 85.748.520.978 | - |
| Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (b) | 11.968.141.400 | - |
| Cộng | 97.716.662.378 | - |

(a) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa để đầu tư dự án “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”; lãi suất 6,11%/năm tính trên số tiền gốc của khoản vay phụ và dư nợ từng thời điểm; thời hạn trả nợ là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) tính từ thời điểm ngày 01/12/2000.

Tại Biên bản làm việc ngày 20/12/2007 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa và Công ty Cấp thoát nước Khánh Hòa thống nhất về việc trả nợ gốc và lãi vay như sau: Lãi suất cho vay là 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn cho vay: 25 năm, thời hạn trả nợ gốc: 20 năm kể từ ngày 01/12/2004.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “*Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa*”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để đầu tư dự án Cấp nước sạch Xã Vĩnh Lương, thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/9/2013), thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, lãi suất 9,52%/năm. Tuy nhiên, theo văn bản số 194/TB-ĐTPT ngày 08/09/2014 đã điều chỉnh lãi suất vay là 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh (xem thuyết minh V.10).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số bàn giao</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | - | 85.748.520.978 | 85.748.520.978 |
| Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa | - | 11.968.141.400 | 11.968.141.400 |
| Cộng | - | 97.716.662.378 | 97.716.662.378 |

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------|-------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 5.413.080.000 | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 55.233.880.000 | - |
| Trên 5 năm | 42.482.782.378 | - |
| Tổng nợ | 103.129.742.378 | - |

25. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

| <u>Cổ đông</u> | <u>Vốn góp (VND)</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
|--------------------------------|------------------------|------------------|
| Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa | 206.000.000.000 | 79,23 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | 40.600.000.000 | 15,62 |
| Các cổ đông khác | 13.400.000.000 | 5,15 |
| Cộng | 260.000.000.000 | 100,00 |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.000.000 | - |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 26.000.000 | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.000.000 | - |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 81.981.299.859 | - |
| Doanh thu sản xuất nước sạch | 80.010.441.716 | - |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 1.803.576.709 | - |
| Doanh thu khảo sát thiết kế | 167.281.434 | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (9.312.686) | - |
| - Hàng bán bị trả lại | (9.312.686) | - |
| Doanh thu thuần | 81.971.987.173 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn sản xuất nước ^(a) | 66.852.173.917 | - |
| Giá vốn xây lắp ^(b) | 1.696.739.331 | - |
| Giá vốn bán vật tư | 40.254.318 | - |
| Cộng | 68.589.167.566 | - |

^(a) Giá vốn của hoạt động sản xuất nước như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 9.780.150.568 | - |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 14.516.106.146 | - |
| Chi phí sản xuất chung | 42.150.345.780 | - |
| Tổng chi phí sản xuất | 66.446.602.494 | - |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 405.571.423 | - |
| Giá vốn sản xuất nước trong kỳ | 66.852.173.917 | - |

^(b) Giá vốn của hoạt động xây lắp như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 939.637.084 | - |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 1.389.250.000 | - |
| Chi phí sản xuất chung | 574.213.631 | - |
| Tổng chi phí sản xuất | 2.903.100.715 | - |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | (1.206.361.384) | - |
| Giá vốn xây lắp trong kỳ | 1.696.739.331 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.403.707.078 | - |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 270.158.809 | - |
| Cộng | 1.673.865.887 | - |

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 787.277.875 | - |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 927.273 | - |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 186.471.589 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 138.376.316 | - |
| Thuế, phí và lệ phí | 13.347.500 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 89.280.039 | - |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.413.965.152 | - |
| Cộng | 2.629.645.744 | - |

6. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu phí bảo vệ môi trường | 1.814.287.600 | - |
| Thu tiền điện, vật tư, cho thuê xe đào,... | 46.617.512 | - |
| Vật tư thu hồi tại các công trình | 94.844.666 | - |
| Thu nhập khác | 21.194.828 | - |
| Cộng | 1.976.944.606 | - |

7. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường | 1.391.584.000 | - |
| Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư | 65.018.076 | - |
| Chi phí tiền xăng dầu | 86.403.080 | - |
| Nộp phạt chậm nộp thuế và Bảo hiểm xã hội | 25.606.938 | - |
| Chi phí khác | 32.556.736 | - |
| Cộng | 1.601.168.830 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.116.767.986 | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 9.116.767.986 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 26.000.000 | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 351 | - |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ | 26.000.000 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 26.000.000 | - |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 12.042.037.245 | - |
| Chi phí nhân công | 17.637.819.014 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 22.326.705.612 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.080.482.781 | - |
| Chi phí khác | 3.097.572.876 | - |
| Cộng | 72.184.617.528 | - |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 300.000.000 VND, tương đương 0,375% vốn điều lệ (xem thuyết minh số V.13). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 23.700.000.000VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban điều hành quản lý Công ty và các thành viên gia đình có quan hệ mật thiết với các cá nhân này.

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Ban điều hành quản lý Công ty theo quy chế tiền lương của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.099.687.250 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là bên liên quan khác của Công ty (xem thuyết minh số V.13).

Trong kỳ, Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Góp vốn đầu tư | 300.000.000 | - |
| Ứng tiền tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Võ Cạnh | 53.766.000 | - |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|------------|
| Ứng tiền tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Võ Cạnh | 53.766.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | 53.766.000 | - |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất nước sạch và xây lắp hệ thống nước và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ nước Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

191
H P
G
D
NH
196

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 5.413.080.000 | 66.025.480.000 | 42.482.782.378 | 113.921.342.378 |
| Phải trả người bán | 832.737.030 | - | - | 832.737.030 |
| Các khoản phải trả khác | 182.372.000 | 565.363.354 | - | 747.735.354 |
| Cộng | <u>6.428.189.030</u> | <u>66.590.843.354</u> | <u>42.482.782.378</u> | <u>115.501.814.762</u> |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sử dụng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|----------|------------|----------|------------------------|------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.633.036.081 | - | - | - | 19.633.036.081 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 62.000.000.000 | - | - | - | 62.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 20.548.593.894 | - | - | - | 20.548.593.894 | - |
| Các khoản phải thu khác | 45.106.039 | - | - | - | 45.106.039 | - |
| Cộng | 102.226.736.014 | - | - | - | 102.226.736.014 | - |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | | | | |
| Vay và nợ | 103.129.742.378 | - | 103.129.742.378 | - |
| Phải trả người bán | 832.737.030 | - | 832.737.030 | - |
| Các khoản phải trả khác | 11.539.335.354 | - | 11.539.335.354 | - |
| Cộng | 115.501.814.762 | - | 115.501.814.762 | - |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kê toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|----------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | - | - | - | - | - |
| Số bàn giao | 260.000.000.000 | 852.875.935 | 4.891.090.568 | 6.474.909.643 | 272.218.876.146 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 9.116.767.986 | 9.116.767.986 |
| Số dư cuối kỳ | 260.000.000.000 | 852.875.935 | 4.891.090.568 | 15.591.677.629 | 281.335.644.132 |

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng



Trần Văn Huy
Chủ tịch HĐQT
kiểm Tổng Giám đốc